

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Benevia® 200 SC

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Thuốc diệt côn trùng

Hạn chế khi sử dụng : Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : FMC Vietnam Company Limited

Địa chỉ : No.12, Lot B, Thong Nhat Road
Song Than 2 Industrial Zone, Di An Ward
Di An Town, Binh Duong Province

Điện thoại : +842743790503

Telefax : +842743790501

Địa chỉ e-mail : SDS-Info@fmc.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : Đối với trường hợp rò rỉ, hỏa hoạn, tràn hoặc tai nạn, hãy gọi:
+ (84) -444581938 (CHEMTREC Việt Nam)

Cấp cứu y tế:
All other countries: +1 651 / 632-6793 (Collect)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29

Cảnh báo nguy hiểm : H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Biện pháp ứng phó:
P391 Thu hồi chất tràn đổ.
Việc thải bỏ:
P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Cyantraniliprole	736994-63-1	≥ 15 -< 25

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu cảm thấy khó chịu, hãy ngay lập tức tránh xa nơi tiếp xúc. Các trường hợp nhẹ: Theo dõi người đó. Đưa đi cấp cứu ngay lập tức nếu các triệu chứng xuất hiện. Các trường hợp nghiêm trọng: Đưa đi cấp cứu ngay lập tức hoặc gọi xe cứu thương.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.

Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
1.0	2024/08/29	50000117	

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Không được gây nôn mà không có chỉ dẫn của bác sĩ. Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Được biết là chưa xảy ra.
Bảo vệ người sơ cứu	: Tránh hít phải, nuốt phải hoặc tiếp xúc với da và mắt.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Điều trị theo triệu chứng. Cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức trong trường hợp nuốt phải.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bột thông thường.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Lửa có thể tạo ra khí khó chịu, ăn mòn và / hoặc độc hại. Các hợp chất brom Nitơ ôxit (NOx) Carbon ôxit hợp chất clo hóa A-xít clohidric hydro xyanua
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa kín hoàn toàn. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Lính cứu hỏa nên mặc quần áo bảo hộ và thiết bị thở khép kín.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
------------------------------	--

Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

trình ứng phó sự cố	Di tản mọi người tới các khu vực an toàn. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Nếu nó có thể được thực hiện một cách an toàn, hãy dừng rò rỉ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Không bao giờ được đưa những chất bị tràn đổ trở lại những bình chứa cũ để tái sử dụng. Thu dọn càng nhiều chất bị tràn đổ càng tốt bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Thu gom và chuyển tới các bình chứa được dán nhãn phù hợp. Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy. Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa).

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	: Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	: Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Các bình chứa đã mở phải được đóng gấn lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ	: Lưu trữ trong các thùng chứa kín, có dán nhãn. Phòng lưu trữ phải được xây dựng bằng vật liệu không cháy, kín, khô ráo, thông gió và có sàn không thấm nước, không có sự tiếp cận của người không được phép hoặc trẻ em. Phòng chỉ nên được sử dụng để lưu trữ hóa chất. Thực phẩm, đồ uống, không nên có thức ăn và hạt giống.Nên có trạm rửa tay.
Các chất cần tránh bảo quản chung	: Không lưu giữ gần axit.
Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
	2024/08/29	50000117	

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- | | |
|------------------------|---|
| Bảo vệ hô hấp | : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn. |
| Bảo vệ tay
Vật liệu | : Mang găng tay chống hóa chất, chẳng hạn như tấm chắn, cao su butyl hoặc cao su nitrile. |
| Ghi chú | : Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể. |
| Bảo vệ mắt | : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít |
| Bảo vệ da và cơ thể | : Quần áo không thấm.
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc. |
| Các biện pháp bảo vệ | : Lên kế hoạch các hoạt động sơ cứu trước khi bắt đầu làm việc với sản phẩm này.
Luôn luôn có sẵn bộ sơ cứu cùng với các hướng dẫn sử dụng thích hợp.
Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Trong bối cảnh sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chuyên nghiệp theo khuyến cáo, người dùng cuối phải tham khảo nhãn và hướng dẫn sử dụng |
| Các biện pháp vệ sinh | : Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Không được hít thở aerosol
Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.
Không hút thuốc khi sử dụng.
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. |

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- | | |
|---------------|------------------|
| Trạng thái | : thể lỏng |
| Hình thể | : thể lỏng |
| Màu sắc | : màu trắng nhạt |
| Mùi đặc trưng | : không mùi |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	4,42 - 4,46 Phương pháp: CIPAC MT 75.3 Trong dung dịch phân tán 1% trong nước
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	> 98 °C
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Không áp dụng được
Tự bốc cháy	:	> 800 °C
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	1,086
Khối lượng riêng	:	1,086 g/cm ³
Độ hòa tan	:	
Độ hòa tan trong nước	:	có thể đình chỉ
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu



Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	2024/08/29	50000117	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29

Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động lực	:	1.916 mPa.s (20 °C) Phương pháp: CIPAC MT 192 30 vòng/phút
	:	1.588 mPa.s (40 °C) Phương pháp: CIPAC MT 192 30 vòng/phút
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	:	Không ôxi hóa
Sức căng bề mặt	:	33,3 mN/m, 22,5 °C
Trọng lượng phân tử	:	Không áp dụng được
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu
Phân phối hạt nhỏ	:	D50 = 1,37 µm D90 = 3,48 µm Phương thức đo lường: CIPAC MT 187

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	:	Tránh nhiệt độ quá cao. Tránh tạo ra aerosol. Bảo vệ khỏi sương giá, nhiệt và ánh sáng. Việc đun nóng hỗn hợp có thể tạo ra hơi có hại và gây kích ứng.
Vật liệu không tương thích	:	Tránh axit, bazơ và chất oxy hóa mạnh.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
1.0	2024/08/29	50000117	

Sản phẩm:

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
Ghi chú: không có tử vong
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 3,7 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp
Ghi chú: không có tử vong
Nồng độ cao nhất có thể đạt được.
- Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

Thành phần:**Cyantraniliprole:**

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 425
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 5,2 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp
- Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

Ăn mòn/kích ứng da

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

- Đánh giá : Không bị xếp vào chất gây kích ứng
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Không gây kích ứng da

Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
	2024/08/29	50000117	

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Loài	:	Thỏ
Đánh giá	:	Không gây kích ứng da
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả	:	Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Không gây kích ứng mắt
Đánh giá	:	Không gây kích ứng mắt
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Không gây kích ứng mắt
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Nhạy cảm với hô hấp

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Loại kiểm nghiệm	:	Xét nghiệm hạch bạch huyết tại chỗ
Loài	:	Chuột nhắt
Đánh giá	:	Không phải là chất gây mẫn cảm da
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả	:	Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Loại kiểm nghiệm	:	Xét nghiệm hạch bạch huyết tại chỗ
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả	:	Không gây kích ứng da.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Độc tính gây đột biến gen	:	Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
---------------------------	---	-----------------------------------



Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

trong ống thí nghiệm

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
GLP: có

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Đột biến tế bào mầm (tế bào : Các thử nghiệm trên vi khuẩn hoặc nuôi cấy tế bào động vật gen) - Đánh giá : có vú không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.

Tác nhân gây ung thư

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư

Độc tính sinh sản

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản

STOT - Tiếp xúc một lần

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	2024/08/29	50000117	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Loài	:	Chuột
NOAEL	:	> 1.000 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	28 d
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 407
Triệu chứng	:	tăng trọng lượng gan
Ghi chú	:	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính hô hấp

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Chất này không có các đặc tính liên quan đến tiềm ẩn nguy cơ hô hấp.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá	:	LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): Khoảng 39 mg/l
		Thời gian phơi nhiễm: 96 h
		Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,209 mg/l
		Thời gian phơi nhiễm: 48 h
		Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
		Ghi chú: Thông tin được đưa ra dựa trên các thử nghiệm về hỗn hợp của chất này.

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 66,3 mg/l
		Thời gian phơi nhiễm: 72 h
		Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Độc tính đối với các sinh vật sống trong đất	:	(Eisenia fetida (Sâu đất)): > 1.000 mg/kg
		Thời gian phơi nhiễm: 14 d

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 216



Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
1.0	2024/08/29	50000117	

Ghi chú: Không có tác dụng phụ đáng kể đối với quá trình khoáng hóa Nitơ.

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 217
Ghi chú: Không có tác dụng phụ đáng kể đối với quá trình khoáng hóa Carbon.

Độc tính đối với các sinh vật trên cạn : LD50 (Apis mellifera (Ong)): 9,5 µg/ong
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Điểm kết thúc: Độc cấp tính tiếp xúc
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 214

LD50 (Apis mellifera (Ong)): 2,45 µg/ong
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Điểm kết thúc: Độc tính cấp theo đường miệng
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 213

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 12,6 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

LC50 (Ictalurus punctatus (cá trê sông)): > 10 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0204 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 13 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

ErC50 (Lemna gibba (bèo tấm)): 0,278 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 7 d

EyC50 (Lemna gibba (bèo tấm)): 0,060 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 7 d

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 10

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Cyprinodon variegatus (cá tuế đầu cừu)): 2,9 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 d

NOEC (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,11 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,00656 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,00969 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,00447 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

Nhân tố M (Nguy hại mãn
tính đối với môi trường thủy
sinh) : 10

Độc tính đối với các sinh vật
sống trong đất : LC50 (Eisenia fetida (Sâu đất)): > 1.000 mg/kg
Thời gian phơi nhiễm: 14 d

Độc tính đối với các sinh vật
trên cạn : LD50 (Apis mellifera (Ong)): > 0.0934 µg/bee
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Điểm kết thúc: Độc cấp tính tiếp xúc

LD50 (Apis mellifera (Ong)): > 0.1055 µg/bee
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Điểm kết thúc: Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 (Colinus virginianus (Chim cú Bobwhite)): 2.250 mg/kg

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Không có thông tin sẵn có cho sản phẩm.

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Không dễ phân hủy sinh học.

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không có thông tin sẵn có cho sản phẩm.

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Tính tích lũy sinh học : Loài: Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill)
Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): < 1
Ghi chú: Không tích tụ sinh học

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 1,97 (22 °C)
Độ pH: 4

log Pow: 2,07 (22 °C)
Độ pH: 7

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Benevia® 200 SC



Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

log Pow: 1,74 (22 °C)
Độ pH: 9

Độ linh động trong đất

Sản phẩm:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Ghi chú: Không có thông tin sẵn có cho sản phẩm.

Thành phần:

Cyantraniliprole:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Koc: 241 ml/g, log Koc: 2,38
Ghi chú: Biến đổi trong đất

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu hủy không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
Bao bì không được mở gói đúng cách phải được xử lý là sản phẩm chưa sử dụng
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
(Cyantraniliprole)
Hạng : 9

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	2024/08/29	50000117	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29

Nhóm hàng : III
Nhãn : 9
Nguy hại với môi trường : có

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (Cyantraniliprole)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 964
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 964
Nguy hại với môi trường : có

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Cyantraniliprole)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : 9
Mã EmS : F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương : có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TCSI	: Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	: Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
AIIC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	: Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.



Benevia® 200 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/08/29	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50000117	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
------------------	--	---	--

	Cyantraniliprole palygorskite
ENCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
NZIoC	: Không tuân thủ với bản kiểm kê
TECI	: Không tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2024/08/29
gần nhất

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Benevia® 200 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/29
	2024/08/29	50000117	

đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Sự từ chối trách nhiệm

FMC Tập đoàn tin rằng thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày của tài liệu này. Bạn có thể liên hệ với FMC Tập đoàn để đảm bảo rằng tài liệu này là mới nhất có sẵn từ FMC Tập đoàn. Không bảo hành thể dục cho bất kỳ mục đích cụ thể, bảo hành thương mại hoặc bất kỳ bảo hành nào khác, thể hiện hoặc ngụ ý, được thực hiện liên quan đến thông tin được cung cấp ở đây. Thông tin được cung cấp ở đây chỉ liên quan đến sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Người dùng có trách nhiệm xác định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích cụ thể hay không và phù hợp với điều kiện và phương thức sử dụng của người dùng. Do các điều kiện và phương thức sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC Tập đoàn, FMC Tập đoàn từ chối mọi trách nhiệm và mọi trách nhiệm đối với mọi kết quả thu được hoặc phát sinh từ bất kỳ việc sử dụng sản phẩm nào hoặc phụ thuộc vào thông tin đó.

VN / VI